



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB – VINACOMIN

Địa chỉ: Tầng 7+ 8, Tòa nhà AC, Lô A1A, Cụm SXTTCN&CNN,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.3793 1111 Fax: 04.3793 1155

Website: <http://www.svic.vn>

TÀI LIỆU PHỤC VỤ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Thời gian: 08 giờ 00 phút

Ngày: 25/06/2013

Địa điểm: Hội trường tầng 7, tòa nhà AC, Lô A1A, cụm
SXTTCN&CNN, Phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Hà Nội, tháng 06/2013



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB-VINACOMIN

Địa chỉ: Tầng 7+ 8, Tòa nhà AC, Lô A1A, Cụm SXTTCN&CNN, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.3793 1111

Fax: 04.3793 1155

Website: <http://www.svic.vn>

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Ngày 25/6/2013 tại Hội trường Tầng 7, Tòa nhà AC, Lô A1A, Cụm SXTTCN&CNN,
Phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	CHỨC VỤ
I THỦ TỤC KHAI MẠC			
1	8:00	Đón tiếp khách mời, cổ đông Cổ đông Đăng ký tham dự Đại hội, nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử	Ban tổ chức
2	8:30	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội	MC
3	8:35	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ban KTTC CĐ
4	8:40	Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch, các Ban giúp việc Đại hội	MC
5	8:50	Hướng dẫn thực hiện biểu quyết	Ban KP
II CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI			
6	9:00	Khai mạc Đại hội và thông qua chương trình Đại hội	Chủ tọa
7	9:05	Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2012 và kế hoạch năm 2013	TV HĐQT
8	9:15	Báo cáo KQKD năm 2012 và Kế hoạch kinh doanh năm 2013	Tổng giám đốc
9	9:25	Báo cáo thẩm tra BCTC năm 2012 và hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS)	Trưởng BKS
10	9:30	Thảo luận và thông qua báo cáo KQKD năm 2012; Báo cáo tài chính 2012 đã được kiểm toán; Kế hoạch kinh doanh năm 2013; Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban Kiểm soát	Chủ tọa
11	9:50	Thông qua Nghị quyết của HĐQT về việc thay thế thành viên HĐQT	TV HĐQT
12	9:55	Báo cáo Danh sách đề cử, ứng cử TV HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2013-2018	Ban BC&KP
	10:10	Bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2013-2018	Ban BC&KP
13	10:25	Thông qua nội dung các Tờ trình: - Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013; - Các Nội dung Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT; - Báo cáo thù lao HĐQT, BKS năm 2012 và kế hoạch thù lao 2013; - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2012; - Đổi tên Công ty; Sửa đổi điều lệ Công ty.	TV Đoàn Chủ tịch
14	10:45	Thảo luận và thông qua các Tờ trình trên	Chủ tọa
15	11:20	Nghỉ giải lao	MC
16	11:45	Công bố KQ kiểm phiếu BQ các vấn đề 7, 8, 9, 11, 13 và KQ bầu cử 12	Ban BC&KP
III TỔNG KẾT ĐẠI HỘI			
17	11:50	Thông qua Biên bản Đại hội	Ban Thư ký
18	12:00	Bế mạc Đại hội	Chủ tọa



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHBVINACOMIN

Trụ sở: tầng 7+8, toà nhà AC, Lô A1A, cụm SXTTCN và CNN, Cầu Giấy, HN

Điện thoại: (04) 3793 1111 Fax: (04) 3793 1155

Số: 11...-2013/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2013

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về hoạt động của HĐQT năm 2012 và kế hoạch hoạt động năm 2013

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2012, Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế xã hội, chính sách tái cấu trúc kinh tế vĩ mô và chính sách kìm chế lạm phát, thắt chặt đầu tư công của Chính Phủ. GDP tăng trưởng 5,03%, thấp hơn mức kế hoạch đặt ra đầu năm 2012 và thấp hơn mức tăng trưởng 5,57% của năm 2011. Đầu tư toàn xã hội 29,5% GDP, FDI đăng ký 12,7 tỉ USD thực hiện 10,5 tỉ USD, kim ngạch xuất khẩu 114,6 tỉ USD, tăng 18%; nhập khẩu thấp hơn xuất khẩu 284 triệu USD do giảm nhập khẩu máy móc thiết bị nguyên vật liệu. Thực trạng trên dẫn tới nhu cầu bảo hiểm giảm do tốc độ tăng trưởng tài sản, đầu tư xây dựng mới và mua sắm giảm. Năm 2012, thị trường bảo hiểm PNT tăng trưởng 10,33%, giảm một nửa so với mức tăng trưởng năm 2011.

Vấn đề nổi cộm của nền kinh tế năm 2012 là tình trạng nợ xấu tăng do tổng cầu của nền kinh tế giảm mạnh, các doanh nghiệp hoạt động cầm chừng, lượng hàng tồn kho lớn. Năm 2012, cả nước có 55.000 doanh nghiệp phá sản. Thị trường bất động sản đóng băng, thị trường chứng khoán âm ảm, thị trường trái phiếu doanh nghiệp kém thanh khoản...

Tình trạng trên dẫn đến năng lực tài chính của nhiều doanh nghiệp giảm sút do thu hẹp sản xuất và tắc nghẽn tín dụng, đặc biệt là nhiều doanh nghiệp bất động sản, công ty chứng khoán, công ty tài chính... lâm vào tình trạng mất thanh khoản.

Trước những thách thức như trên, năm 2012, Hội đồng quản trị SVIC đã tích cực chỉ đạo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc. Các hoạt động chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc như sau:

1. Công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kinh doanh:

Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều phiên họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo công tác lập kế hoạch kinh doanh, thông qua chương trình Tái bảo hiểm năm 2012, chỉ đạo công tác đầu tư, giải quyết các vấn đề nổi cộm trong hoạt động kinh doanh như thu hồi nợ xấu, công tác tổ chức cán bộ, công tác quảng bá thương hiệu...

Dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và cán bộ, nhân viên toàn Tổng công ty, trong năm 2012, SVIC đã đạt được kết quả kinh doanh như sau:

- Về hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt



345.6 tỷ đồng, bằng 92% kế hoạch doanh thu mục tiêu, tăng trưởng 5,6% so với năm 2011. Trong đó doanh thu bảo hiểm gốc đạt 312,8 tỷ đồng, bằng 87% kế hoạch, tăng trưởng âm: 0,2%.

- Dự phòng nghiệp vụ: Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ trích lập tăng trong năm 2012: 8,7 tỷ đồng, bằng 28% kế hoạch, kết dư dự phòng nghiệp vụ đến 31/12/2012: 201,19 tỷ đồng, tăng 5% so với kết dư dự phòng năm 2011
- Về hoạt động đầu tư tài chính: Năm 2012, SVIC tạm dừng hầu hết các hoạt động đầu tư, tập trung tối đa vào tiền gửi nên doanh thu giảm 3,56% so với năm 2011 và lợi nhuận giảm 17% do trích lập các khoản dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC và dự phòng lãi, gốc đầu tư trái phiếu Sông Đà Thăng Long đã quá hạn.
- Lợi nhuận sau thuế: năm 2012 đạt 22,4 tỷ đồng bằng 58% kế hoạch năm.

2. Chỉ đạo công tác quản lý:

Năm 2012, HĐQT Tổng công ty đã họp 13 phiên thường kỳ theo quy định của pháp luật để xem xét và chỉ đạo những vấn đề thuộc thẩm quyền được Đại hội đồng cổ đông giao. Chủ tịch Hội đồng quản trị đã trực tiếp tổ chức nhiều buổi làm việc với Ban Tổng giám đốc, các Ban tại Trụ sở chính và các công ty trực thuộc, công ty thành viên của Tổng công ty để bàn về công tác quản lý, kinh doanh. Ngoài ra, nhiều vấn đề được giải quyết nhanh chóng, kịp thời giữa các lần họp thường kỳ thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Cụ thể trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã họp và quyết định các vấn đề sau:

- Xem xét Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011, phương án chia cổ tức năm 2011 và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012 thông qua;
- Chỉ đạo xây dựng và thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2012; các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012;
- Chỉ đạo công tác tổ chức và chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2012;
- Chỉ đạo công tác nhân sự, đặc biệt là cơ cấu nhân sự quản lý cao cấp thuộc thẩm quyền của HĐQT; kiện toàn và ổn định bộ máy tổ chức, đặc biệt sau sự kiện TKV thoái vốn.
- Chỉ đạo công tác xây dựng và quản bá thương hiệu, công tác tài trợ các sự kiện như SVIC là Nhà tài trợ đặc biệt cuộc thi Hoa hậu Việt Nam năm 2012.
- Chỉ đạo công tác phát triển sản phẩm mới, phát triển kênh khai thác qua ngân hàng (bacainsuarance); công tác phát triển mạng lưới, thành lập thêm đơn vị thành viên;
- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của các Công ty thành viên như SVIC Việt Bắc, SVIC Thăng Long;
- Chỉ đạo về định hướng chiến lược trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc;
- Phê duyệt chương trình tái bảo hiểm năm 2012 của SVIC;

6 - 4
ÔNG
Y CỎ
H
VINAC
AY -

- Đánh giá hoạt động đầu tư, chỉ đạo định hướng hoạt động đầu tư năm 2012 và cơ cấu lại danh mục, tài sản đầu tư theo hướng đảm bảo an toàn nguồn vốn;
- Tăng cường công tác quản lý điều hành, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của Tổng công ty;
- Chỉ đạo một số vấn đề khác liên quan đến hoạt động của SVIC.

3. Phối hợp với Ban Kiểm soát:

Năm 2012, Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt với Ban Kiểm soát để thường xuyên giám sát các hoạt động của Tổng công ty và các công ty trực thuộc nhằm kịp thời ngăn chặn các thiếu sót, đảm bảo tính minh bạch trong các hoạt động.

Các yêu cầu của Ban Kiểm soát về cung cấp thông tin liên quan đến công tác quản lý, hoạt động kinh doanh đều được Hội đồng quản trị cung cấp đầy đủ, đúng quy định. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát được mời tham gia nhiều phiên họp của Hội đồng quản trị hoặc do Hội đồng quản trị chủ trì để kịp thời nắm bắt thông tin trong mọi lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.

4. Định hướng hoạt động năm 2013:

Năm 2013, nền kinh tế trong nước tiếp tục gặp khó khăn. Môi trường đầu tư dự báo còn nhiều rủi ro, bất ổn. Vì vậy, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2013 như sau:

- Tập trung công tác chỉ đạo và định hướng công tác xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn 2013-2018;
- Tập trung chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong công tác kiện toàn, ổn định bộ máy tổ chức nhân sự, phát triển kênh khai thác sản phẩm qua ngân hàng, phát triển mạng lưới kinh doanh của Tổng công ty để phát huy các thế mạnh, lợi thế của Tổng công ty trong giai đoạn mới.
- Tăng cường chỉ đạo và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc nhằm tạo động lực cho Tổng công ty phát triển trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính.
- Đẩy mạnh nâng cao công tác marketing, phát triển các sản phẩm hiện đại, tiện ích, tạo ra sự khác biệt cạnh tranh.
- Tích cực chỉ đạo, định hướng cho Ban Tổng giám đốc về hoạt động đầu tư tài chính, công tác thu hồi công nợ.
- Tiếp tục duy trì chế độ làm việc thường xuyên theo định kỳ và tổ chức các cuộc họp đột xuất để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh nhằm chấn chỉnh, điều chỉnh phù hợp trong từng thời kỳ và có định hướng phát triển bền vững, lâu dài.
- Tiếp tục duy trì sự phối hợp thường xuyên với Ban Kiểm soát để nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát, quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đối với mọi hoạt động của Tổng công ty.
- Chú trọng tăng cường công tác đào tạo, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển thương hiệu, hợp tác quốc tế nhằm nâng cao uy tín và vị thế của Tổng Công ty.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị SVIC trong năm 2012. Tuy đã có sự nỗ lực nhưng hoạt động của Hội đồng quản trị còn tồn tại, hạn chế như hầu hết các ủy viên Hội đồng quản trị đều là Lãnh đạo các Đơn vị, hoạt động theo chế độ bán chuyên trách nên chưa có nhiều thời gian như mong muốn để giám sát sâu hơn nữa mọi hoạt động của Tổng công ty. Trong năm 2013, Hội đồng quản trị xin hứa sẽ cố gắng thu xếp dành nhiều thời gian hơn nữa để tập trung chỉ đạo Tổng công ty hoạt động theo hướng an toàn, hiệu quả nhằm hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT; VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đỗ Quang Hiến





Số: 386/2013/BC-SVIC

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 và kế hoạch kinh doanh năm 2013 như sau:

PHẦN 1: KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012

I. TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

1. Tình hình kinh tế Việt Nam

Năm 2012 là năm mà nền kinh tế Việt Nam trải qua nhiều khó khăn thách thức và đầy biến động. Sự khủng hoảng tài chính toàn cầu đã ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế của đất nước. Trước bối cảnh như vậy, để tháo gỡ dần khó khăn và sớm ổn định kinh tế vĩ mô, Chính phủ tiếp tục triển khai Nghị quyết 11/NQ-CP để kiềm chế lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội đồng thời quyết liệt triển khai tái cấu trúc nền kinh tế và đưa ra nhiều gói hỗ trợ dành cho doanh nghiệp. Từ những giải pháp hữu hiệu đó, nền kinh tế nước ta đã có dấu hiệu chuyển biến tích cực, đối phó được những biến động của thị trường: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 5,03% so với năm 2011, lạm phát 6,81%, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2012 ước tính đạt 989,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với năm 2011 và bằng 33,5% GDP - đây là năm có tỷ trọng vốn đầu tư so với GDP đạt thấp nhất kể từ năm 2000 trở lại đây.

2. Tổng quan thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam năm 2012

- Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đã có tổng cộng 29 doanh nghiệp bảo hiểm tham gia cung cấp dịch vụ. Năm 2012, theo số liệu báo cáo toàn thị trường, doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đạt 22.757 tỷ đồng, tăng trưởng 10,3% so với năm 2011, tốc độ tăng trưởng giảm mạnh so với tốc độ tăng trưởng của năm 2011 (20,5%), tỷ lệ bội thường bình quân chung là 39%, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2011. Trường hợp loại trừ doanh thu dịch vụ bảo hiểm Vinassat 2 (phí bảo hiểm 20 triệu USD) thì thị trường chỉ còn tăng trưởng 8%. Toàn thị trường có 7 doanh nghiệp tăng trưởng âm.
- Xu hướng phát triển thị trường:
 1. Tăng trưởng có dấu hiệu chậm lại: Trong các năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng bảo hiểm phi nhân thọ đều cao: năm 2009: 25,16%, năm 2010: 24,9%, năm 2011: 20,5%, luôn gấp khoảng 3-4 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên trong giai đoạn 2012-2013 thị trường tăng trưởng chậm lại do tác động

của môi trường kinh tế. Dự báo tốc độ tăng trưởng năm 2013 vào khoảng 10%-12%.

2. Gia tăng cạnh tranh khai thác dịch vụ bảo hiểm bán lẻ: Do nghiệp vụ tài sản và kỹ thuật gặp khó khăn lớn trong việc khai thác nên nghiệp vụ bảo hiểm con người và bảo hiểm xe cơ giới là tâm điểm trong chiến thuật cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012:

Kết quả kinh doanh năm 2012 (đã kiểm toán)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2011	KH 2012	TH 2012			
				Số tiền	%/KH	%/DT	%/2011
1	Thu phí bảo hiểm gốc	312,303	358,000	312,823	87%		100%
2	Thu phí nhận tái bảo hiểm	14,467	18,000	32,222	179%		223%
3	Các khoản giảm trừ	77,655	91,045	93,077			
4	Tăng (giảm) dự phòng phí	9,419	18,897	941	5%		
5	Thu hồng nhượng tái BH	22,944	28,436	27,596	97%		
6	Thu khác hoạt động KD bảo hiểm	4,220	4,500	6,740			
7	Doanh thu thuần hoạt động KDBH	266,861	298,994	285,363			
8	Chi bồi thường BH gốc	106,572	123,800	118,627	96%	38%	111%
9	Chi bồi thường nhận tái BH	1,205	1,706	5,529	324%	17%	
10	Các khoản giảm trừ	14,158	17,511	19,367			
11	Bồi thường thuộc t/nhiệm giữ lại	93,619	107,995	104,789			
13	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	8,931	8,464	266	3%		3%
14	Số trích dự phòng dao động lớn	7,475	8,549	7,559	88%		101%
15	Chi khác hoạt động KD bảo hiểm	44,349	53,423	53,349		17%	
16	Tổng chi trực tiếp hoạt động KDBH	154,374	178,431	165,963			
17	Lợi nhuận gộp HĐ KDBH	112,487	120,563	119,400			
18	Chi phí bán hàng	15,459	17,458	21,811	125%	7%	141%
19	Chi phí quản lý DN	95,636	111,353	106,137	95%	34%	111%
	- Lương	35,742	45,120	41,405	92%		116%
20	LN thuần HĐ KDBH	1,393	(8,248)	(8,548)			
21	Doanh thu hoạt động tài chính	65,903	56,427	63,268	112%		96%
22	Chi hoạt động tài chính	17,268	-2,756	25,423			
23	LN hoạt động tài chính (51=46-47)	48,635	59,183	37,845	64%		78%
26	Lợi nhuận hoạt động khác	-21	-	(559)			
31	Lợi nhuận chịu thuế TNDN	50,007	50,935	28,738			
32	Thuế TNDN hiện hành	12,011	12,509	12,651			
33	Thuế TNDN hoãn lại			(6,331)			
34	Lợi nhuận sau thuế TNDN	37,997	38,426	22,418	58%		59%
	- Trích Quỹ Dự trữ bắt buộc			1.121			
	- Thuế phải nộp bổ sung			1.812			
	- LN còn được phân phối			19.485			

11/01/2013

1. Khái quát tình hình kinh doanh:

- Doanh thu: Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 345 tỷ đồng, bằng 92% kế hoạch doanh thu mục tiêu, tăng trưởng 5,6% so với năm 2011.
- Bồi thường: Số tiền bồi thường, trả tiền bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm là 124,1 tỷ đồng, bằng 36% doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Doanh thu đầu tư: đạt 63,2 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2011; lợi nhuận đầu tư đạt 37,8 tỷ đồng bằng 64% kế hoạch được giao, giảm 22% so với năm 2011.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 22,4 tỷ đồng, bằng 58% kế hoạch năm, giảm 41% so với năm 2011.

2. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

- Doanh thu: Trong đó doanh thu bảo hiểm gốc đạt 312,8 tỷ đồng, bằng 87% kế hoạch, tăng trưởng âm: 0,2%. SVIC đứng vị trí thứ 15/29 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ về doanh thu (giảm 1 bậc so với năm 2011), chiếm 1,4% thị phần (giảm 0,1% thị phần so với năm 2011).
- Bồi thường bảo hiểm gốc: Số tiền bồi thường giải quyết trong năm 2012 là 118,8 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường/doanh thu bảo hiểm gốc là 38%, tăng 3.9% so với tỷ lệ bồi thường năm 2011 (34,1%), xấp xỉ mức bồi thường bình quân toàn thị trường (39,3%).

3. Hoạt động tái bảo hiểm (TBH)

3.1. Nhượng tái bảo hiểm

Trong thời gian qua, công tác nhượng TBH của SVIC về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu phân tán rủi ro, tăng cường khả năng nhận dịch vụ bảo hiểm.

- Tổng phí nhượng TBH là 91,2 tỷ đồng.
- Hoa hồng nhượng TBH thu được là 27,5 tỷ đồng, đạt trung bình 30,2% phí nhượng tái bảo hiểm.
- Thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm là 19,3 tỷ đồng, Ước thu đòi TBH đối với các khoản bồi thường phát sinh chưa giải quyết dự kiến sẽ là 20,7 tỷ đồng, trong đó chủ yếu bao gồm nghiệp vụ tài sản, kỹ thuật và thân tàu.

3.2. Nhận tái bảo hiểm

- Doanh thu nhận TBH đạt 33,2 tỷ đồng, bằng 179% kế hoạch, trong đó:
 - Doanh thu nhận TBH phát sinh năm 2011: 18.6 tỷ đồng
 - Doanh thu nhận TBH phát sinh năm 2012: 12.8 tỷ đồng.
- Chi bồi thường tổn thất nhận TBH: 5,5 tỷ đồng, bằng 17%/doanh thu nhận tái BH Trong đó thu đòi TBH được 3,3 tỷ đồng (chiếm 60%), thuộc trách nhiệm của SVIC là 2,2 tỷ đồng.

4. Dự phòng nghiệp vụ

- Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ trích lập tăng trong năm 2012: 8,7 tỷ đồng, bằng 28% kế hoạch.

- Kết dư dự phòng nghiệp vụ đến 31/12/2012: 201,19 tỷ đồng, tăng 5% so với kết dư dự phòng năm 2011:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến 31/12/ 2011	Trích tăng trong năm 2012		Lũy kế đến 31/12/ 2012
			Số tiền	%KH	
1	Dự phòng phí	115,016	942	5%	115,958
2	Dự phòng bồi thường	59,701	206	5%	59,907
3	Dự phòng dao động lớn	17,775	7,559	88%	25,334
	Cộng	192,492	8,707	28%	201,199

5. Công tác đầu tư

- Doanh thu đầu tư: đạt 63,2 tỷ đồng, giảm 4% so với năm 2011.
- Chi phí hoạt động đầu tư là 25,1 tỷ đồng, tăng 47% so với năm 2012, chủ yếu do trích lập dự phòng một số khoản nợ quá hạn có giá trị lớn: trái phiếu Sông Đà Thăng Long: khoảng 15 tỷ đồng, khoản tiền mặt tại tài khoản chứng khoán Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình: 10 tỷ đồng.
- Lợi nhuận hoạt động đầu tư đạt 37,8 tỷ đồng, giảm 22% so với năm 2011.

6. Tình hình công nợ, tạm ứng

- Tổng Công công nợ phải thu bảo hiểm gốc của các Đơn vị trực thuộc là 24,5 tỷ đồng, bằng 7,83% doanh thu bảo hiểm gốc, trong đó phải trích dự phòng công nợ là 3,7 tỷ đồng bằng 1,2% doanh thu. Tổng công nợ phí bảo hiểm là 14,5 tỷ đồng, gồm:
 - o Công nợ phí bảo hiểm quá hạn trên 1 năm: 5,3 tỷ đồng
 - o Công nợ phí bảo hiểm quá hạn 3-6 tháng: 2,9 tỷ đồng, trong đó dự án Alumin Nhân Cơ: 2,2 tỷ đồng
 - o Cộng nợ phí bảo hiểm quá hạn dưới 3 tháng: 6,2 tỷ đồng, trong đó dự án Alumin Nhân Cơ: 2,8 tỷ đồng
- Tổng số dư tạm ứng là 10,03 tỷ đồng, tăng 4,5% so với năm 2011 (9,6 tỷ đồng).

7. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2012 và Báo cáo quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2012 (theo báo cáo kèm theo).

III. MỘT SỐ TÒN TẠI

1. Công tác tổ chức, quản lý điều hành

- Mô hình tổ chức, mô hình quản lý, nhân sự tại Tổng Công ty và Đơn vị chưa hợp lý dẫn đến hoạt động thiếu hiệu quả cũng như phát sinh một số yếu tố bất ổn trong toàn hệ thống.
- Việc phát triển hệ thống một cách vững chắc chưa được chú trọng dẫn đến hầu hết các Đơn vị vẫn chưa ổn định về mặt tổ chức, nhiều phòng khu vực cũng như Công

ty trực thuộc chưa hoạt động hiệu quả trong khi về mặt tổng thể, mạng lưới của SVIC vẫn còn mỏng, chưa đáp ứng được yêu cầu cho việc tăng trưởng, chiếm lĩnh thị phần.

- Chưa tổ chức kiểm tra, kiểm soát được toàn bộ các Đơn vị có phát sinh các vấn đề nổi cộm : Kinh doanh, bồi thường, chi phí, công nợ, tạm ứng... Việc kiểm tra mới chỉ được thực hiện ở một số Đơn vị nhưng việc giải quyết các tồn đọng vẫn chậm, không triệt để.
- Chưa xây dựng và áp dụng hệ thống các quy chế, quy định, quy trình, cùng các chế tài một cách mạnh mẽ, triệt để nhằm điều chỉnh các mặt hoạt động của SVIC, dẫn đến tính tuân thủ còn yếu trên toàn hệ thống.

2. Công tác kế hoạch, tài chính, kế toán

- Kế hoạch kinh doanh 2011, 2012: Phân nhóm chi tiết trong khi phần mềm chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý dẫn đến khó khăn cho Đơn vị trong việc quản lý, theo dõi và quyết toán nguồn.
- Đơn vị chưa tuân thủ quy định về công tác quản lý tài chính kế toán của Tổng công ty. Mặt khác, Văn phòng Tổng Công ty và Đơn vị chưa tăng cường khâu kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý ấn chỉ, công nợ, tạm ứng, chi tiêu ở các Đơn vị.

3. Công tác quản lý nghiệp vụ

- Việc kiểm soát quy trình khai thác, giám định, bồi thường chưa chặt chẽ dẫn đến tăng rủi ro làm giảm hiệu quả kinh doanh bảo hiểm.
- Công tác quản lý chưa chặt chẽ, đặc biệt là công tác quản lý bồi thường còn nhiều bất cập:
 - Giải quyết bồi thường có những trường hợp chưa kịp thời dẫn đến khách hàng khiếu nại làm ảnh hưởng tới kinh doanh và thương hiệu SVIC.
 - Chưa xây dựng và thực hiện các quy trình cập nhật số liệu nên số liệu phản ánh thiếu chính xác tình hình doanh thu, bồi thường và chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, có nguy cơ rủi ro cao, đặc biệt trong công tác ước bồi thường
- Chưa tăng cường kiểm soát công tác quản lý đại lý tại các Đơn vị, Đơn vị không có cán bộ chuyên trách cũng như công tác nắm bắt tình hình hoạt động của đại lý, và hỗ trợ hoạt động đại lý còn thiếu sâu sát.
- Việc mở rộng mạng lưới khai thác bán lẻ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn nhiều bất cập, Khai thác viên, Đại lý không thực hiện đúng quy định quản lý ấn chỉ, thu nộp phí bảo hiểm dẫn đến mất ấn chỉ; thanh toán phí sau tổn thất...

4. Công tác lao động- tiền lương - đào tạo

- Nhiều Đơn vị chưa thực hiện đúng quy chế phân cấp tổ chức cán bộ trong việc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động, khen thưởng, kỷ luật...

- Tổng Công ty chưa nắm bắt sâu sát tình hình biến động nhân sự, chất lượng nhân sự của các Đơn vị để kịp thời hỗ trợ Đơn vị trong việc thu hút cán bộ mới, giữ cán bộ tốt cũng như đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ.
- Chưa xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn chức danh, chưa áp dụng quy trình tuyển dụng một cách có hệ thống.

5. Công nghệ thông tin

- Phần mềm quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nghiệp vụ cũng như công tác tài chính kế toán. Việc quản lý nhập liệu, đối chiếu dữ liệu, hỗ trợ truy cập dữ liệu, phân loại dữ liệu, hỗ trợ quản lý nghiệp vụ còn rất hạn chế, gây nhiều khó khăn cho người sử dụng; chưa kết nối dữ liệu bảo hiểm gốc và tái bảo hiểm.
- Phần mềm tái bảo hiểm chưa liên kết được với phần mềm bảo hiểm gốc dẫn đến công tác thống kê và quản lý mất nhiều thời gian trong khi độ tin cậy không cao.
- Việc hỗ trợ bán bảo hiểm online chưa được thực hiện.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

Kế hoạch kinh doanh năm 2013 được xây dựng trên cơ sở định hướng kinh doanh của Tổng Công ty và việc đánh giá các yếu tố:

1. Các yếu tố nội tại của SVIC

- Thực trạng tình hình kinh doanh, tiềm năng tại địa bàn quản lý và khả năng kinh doanh của các Đơn vị trực thuộc.
- Khả năng hỗ trợ Đơn vị từ Tổng Công ty và Hội đồng Quản trị cho hoạt động kinh doanh của Đơn vị.
- Căn cứ khả năng hợp tác và triển khai kinh doanh với các đối tác là Cổ đông.

2. Các yếu tố thị trường:

- Dự kiến tình hình kinh tế - xã hội, thị trường tài chính, tiền tệ, đầu tư... vẫn tiếp tục khó khăn, song cũng có những tín hiệu tích cực và tác động tới hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
- Dự báo tốc độ tăng trưởng bình quân của thị trường bảo hiểm Phi nhân thọ trong năm 2013 đạt khoảng 10-12%.
- Dự báo tình hình cạnh tranh trên thị trường vẫn tiếp tục diễn ra gay gắt.

II. CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2013

1. Doanh thu – lợi nhuận

- Doanh thu bảo hiểm : 485 tỷ đồng, tăng trưởng 41%,
 + Doanh thu bảo hiểm gốc : 465 tỷ đồng, tăng trưởng 48,6%.
 + Doanh thu nhận tái bảo hiểm : 20 tỷ đồng.
- Lợi nhuận hoạt động đầu tư : 28 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế : 916 triệu đồng
- Kế hoạch trích lập quỹ dự phòng nghiệp vụ: 47 tỷ đồng
(Chi tiết chi tiêu theo phụ lục đính kèm)

2. Nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2013

Căn cứ thực trạng cũng như định hướng kinh doanh của SVIC, để làm tiền đề cho sự phát triển trong những năm sau, SVIC xác định năm 2013 là năm tập trung vào việc:

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức ở Tổng Công ty và các Đơn vị thành viên.
- Xây dựng và phát triển hệ thống kinh doanh, phát triển mạng lưới bán hàng.
- Thu hút nhân sự cho các Đơn vị thành viên.
- Chuẩn hoá công tác chăm sóc khách hàng.
- Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin.
- Thay đổi nhận diện thương hiệu và phát triển thương hiệu.
- Xây dựng cơ chế kinh doanh có sức cạnh tranh.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

1. Xây dựng cơ chế kinh doanh

- Tập trung đánh giá thông tin và phân tích thị trường, sản phẩm làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và triển khai kinh doanh, tạo điều kiện phát triển nghiệp vụ có hiệu quả như: xe cơ giới, hàng hóa nhập khẩu, vận chuyển nội địa, bảo hiểm trách nhiệm.
- Kịp thời đưa ra các quyết định về cơ chế, chính sách để đảm bảo tính cạnh tranh theo định hướng phát triển của Hội đồng Quản trị và có khả năng khuyến khích, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của các Đơn vị.
- Yêu cầu về việc nâng cao năng suất lao động, chất lượng của cán bộ.
- Gắn nghĩa vụ, quyền lợi của Văn phòng Tổng Công ty với nghĩa vụ, quyền lợi của Đơn vị.
- Tập trung triển khai kênh phân phối sản phẩm qua hệ thống ngân hàng.
- Tổng Công ty tăng cường chỉ đạo, hỗ trợ khai thác dự án cho các Đơn vị.

2. Xây dựng, củng cố hệ thống

- Rà soát, đánh giá, xây dựng mô hình và tái cơ cấu hệ thống, bao gồm cả Tổng Công ty và Đơn vị.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của các phòng khu vực để kịp thời điều chỉnh theo hướng tăng năng suất, hiệu quả hoạt động, nếu không sẽ dừng hoạt động.
- Thành lập thêm các Đơn vị ở những địa bàn trọng điểm, có tiềm năng khi có điều kiện (Đà Nẵng, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Dương).
- Thành lập thêm các Phòng khu vực để đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới, tăng thị phần và nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng

11/11 K 11/11

3. Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, công tác kiểm soát nội bộ

- Thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ.
- Xây dựng chế tài mạnh và nghiêm túc áp dụng trong toàn hệ thống.
- Rà soát lại toàn bộ quy trình, quy định, phân cấp để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình kinh doanh làm cơ sở cho việc triển khai kinh doanh - quản lý được thống nhất, hạn chế các nội dung bất lợi, có nguy cơ rủi ro hoặc gây cản trở, trì trệ cho các hoạt động. Tạo sự chủ động cho Đơn vị.

4. Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Đào tạo cán bộ:
 - Tổng Công ty, các Đơn vị tăng cường công tác đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ.
 - Tổ chức kiểm tra, đánh giá chuyên môn của từng vị trí công việc làm cơ sở cho việc xác định nhu cầu đào tạo phù hợp.
- Đào tạo đại lý và quản lý đại lý:
 - Theo dõi nắm bắt tình hình hoạt động của các đại lý và sự biến động đại lý.
 - Tổ chức các khóa đào tạo và đào tạo lại đáp ứng nhu cầu của Đơn vị.
 - Tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ đại lý triển khai kinh doanh.

5. Kiểm soát chặt công nợ khách hàng và công nợ, tạm ứng nội bộ

- Xây dựng quy trình, quy chế kiểm soát công nợ, tạm ứng.
- Giao các bộ phận chuyên quản theo dõi, đôn đốc Đơn vị kiểm soát công nợ, tạm ứng theo từng chỉ tiêu cụ thể một cách thường xuyên.

6. Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý

- Nâng cấp phần mềm nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý kinh doanh của toàn hệ thống.
- Kết nối tái bảo hiểm với bảo hiểm gốc.
- Phát triển hệ thống bán bảo hiểm online.
- Triển khai hệ thống hợp trực tuyến để hỗ trợ nâng cao chất lượng công tác quản trị được nhanh chóng, kịp thời.

7. Tăng cường công tác truyền thông và quản trị thương hiệu

- Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu mới.
- Xây dựng quy chuẩn văn hóa doanh nghiệp.

8. Tăng cường công tác quản lý chất lượng dịch vụ

- Nâng cao chất lượng công tác giám định - bồi thường:
 - Tổ chức tốt công tác giám định và nâng cao chất lượng đội ngũ giám định tương xứng với quy mô phát triển của Tổng Công ty.
 - Tập trung giải quyết nhanh, đảm bảo đúng quyền lợi của khách hàng.

- Trước mắt xây dựng quy trình xử lý thông tin phản hồi kết hợp xây dựng hệ thống callcenter để tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi của khách hàng và các khiếu nại liên quan đến hoạt động kinh doanh của SVIC.

9. Công tác đầu tư

- Tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng chi triển khai đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác vốn đầu tư với các đối tác chiến lược, đối tác mà SVIC có thông tin đáng tin cậy về tình hình tài chính và mục đích sử dụng vốn đầu tư.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật nói chung và luật kinh doanh bảo hiểm nói riêng đối với hoạt động đầu tư của của doanh nghiệp bảo hiểm, tuân thủ quy định về biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm.
- Tiết giảm chi phí quản lý, chi phí đầu tư để tăng lợi nhuận đầu tư.
- Kiên quyết thu hồi các khoản đầu tư, công nợ quá hạn bằng các biện pháp thích hợp như bán nợ; tái cơ cấu tài sản nợ; yêu cầu hỗ trợ và can thiệp của các cơ quan quản lý Nhà nước.

Năm 2013, nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên cũng có nhiều cơ hội mới. Dưới sự chỉ đạo, quan tâm của Hội đồng Quản trị, sự giúp đỡ, hợp tác của Quý Cổ đông và các Đối tác cùng sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ, Nhân viên, Tổng Công ty SVIC sẽ cố gắng hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh doanh do Đại hội đồng Cổ đông giao.

Trân trọng báo cáo Đại hội đồng Cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn thư, VP HĐQT.



Bùi Gia Anh

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH KQKD NĂM 2013

(Kèm theo báo cáo số 386 /2013/BC-SVIC ngày 18/6/2013)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chi tiêu	TH 2012			KH 2013		
		Số tiền	%/2011	%/DT	Số tiền	%/2012	%/DT
1	Thu phí bảo hiểm gốc	312,823	100%		465,000	149%	
2	Thu phí nhận tái bảo hiểm	32,222	223%		20,000	62%	
3	Các khoản giảm trừ	93,077			165,323		
4	Tăng (giảm) dự phòng phí	941	10%		36,487	3876%	
5	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	27,596		30%	51,037	185%	31%
6	Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	6,740			5,000		
7	Doanh thu thuần hoạt động KDBH (14=01+02-03+/-08+09+10)	285,363			339,227		
8	Chi bồi thường Bảo hiểm gốc	118,627	111%	38%	180,220	152%	39%
9	Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	5,529		17%	8,641	156%	43%
10	Các khoản giảm trừ	19,367			55,991		
11	Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21=15+16-17)	104,789			132,869		
12	Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn						
13	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	266	3%		7,495	2822%	
14	Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	7,559	101%		3,197	42%	
15	Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	53,349		15%	67,179		14%
16	Tổng chi trực tiếp hoạt động KDBH (41=21-22+/-23+24+25)	165,963			210,740		
17	Lợi nhuận gộp hoạt động KDBH (42=14-41)	119,400			128,488		
18	Chi phí bán hàng	21,811	141%	6%	29,393	135%	6%
19	Chi phí quản lý doanh nghiệp	106,137	111%	31%	126,969	120%	26%
20	Lợi nhuận thuần hoạt động KDBH (45=42-43-44)	(8,548)			(27,874)		
21	Doanh thu hoạt động tài chính	63,268	96%		44,338		
22	Chi hoạt động tài chính	25,423			15,548		
23	LN hoạt động tài chính (51=46-47)	37,845	78%		28,790		
24	Thu nhập hoạt động khác	149			-		
25	Chi phí hoạt động khác	708			-		
26	Lợi nhuận hoạt động khác (54=52-53)	(559)			-		
27	Tổng lợi nhuận kế toán (55=45+51+54)	28,738			916		
31	Lợi nhuận chịu thuế TNDN (59=57-58)	28,738	46%		916		
32	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12,651					
	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(6,331)					
33	Lợi nhuận sau thuế TNDN (61=55-58-60)	22,418	44%				

Số: *Sig* Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 24. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

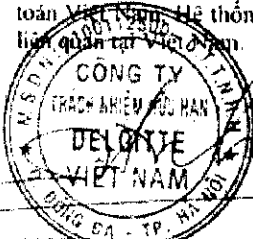
Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 04 tháng 4 năm 2012 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7/8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÀU SỐ B 01-DNBH

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		419.452.350.784	400.871.261.063
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		65.835.212.846	62.551.260.965
1. Tiền mặt tại quỹ	111		2.522.032.240	3.066.389.430
2. Tiền gửi ngân hàng	112		43.813.180.606	24.984.871.535
3. Các khoản tương đương tiền	114		19.500.000.000	34.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	247.769.068.648	245.552.611.799
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		96.214.408.265	94.920.289.315
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		175.500.000.000	165.200.000.000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(23.945.339.617)	(14.567.677.516)
III. Các khoản phải thu	130		93.882.725.712	81.310.748.523
1. Phải thu của khách hàng	131	6	88.449.849.760	75.755.551.601
2. Trả trước cho người bán	132		1.206.250.820	3.869.767.298
3. Thuế GTGT được khấu trừ	133		32.861.292	439.260.271
4. Các khoản phải thu khác	138	7	13.919.954.458	3.140.022.205
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.726.190.618)	(1.893.852.852)
IV. Hàng tồn kho	140		855.273.447	443.173.168
1. Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	142		771.960.227	390.299.350
2. Công cụ, dụng cụ tồn kho	143		83.313.220	52.873.818
V. Tài sản lưu động khác	150		11.110.070.131	11.013.466.608
1. Tạm ứng	151		10.034.095.796	9.606.180.322
2. Chi phí trả trước	152		829.773.379	1.290.332.837
3. Các khoản thế chấp, ký quỹ	154		246.200.956	116.953.449
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200=210+220+230+240+243)	200		160.086.964.207	165.317.933.718
I. Tài sản cố định	210		38.212.714.513	41.720.586.886
1. Tài sản cố định hữu hình	211	8	38.210.482.370	41.057.510.499
- Nguyên giá	212		46.267.712.460	45.954.988.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(8.057.230.090)	(4.897.477.987)
2. Tài sản cố định vô hình	217		2.232.143	663.076.387
- Nguyên giá	218		1.995.000.000	1.995.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(1.992.767.857)	(1.331.923.613)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220	9	102.000.000.000	110.850.000.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		53.000.000.000	110.850.000.000
2. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228		49.000.000.000	-
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		650.000.000	-
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		12.690.265.186	12.598.755.186
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		6.690.265.186	6.598.755.186
V. Tài sản dài hạn khác	243		6.533.984.508	148.591.646
1. Chi phí trả trước dài hạn	244		202.714.981	148.591.646
2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	245	10	6.331.269.527	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250=100+200)	250		579.539.314.991	566.189.194.781

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cơ sở sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DNBH

Đơn vị: VND

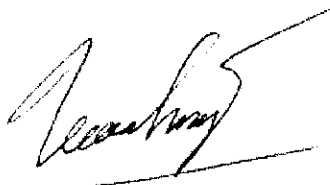
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)	300		255.979.796.329	233.206.213.410
I. Nợ ngắn hạn	310		51.778.850.951	39.343.074.318
1. Phải trả cho người bán	313	11	26.337.957.619	25.343.622.637
2. Người mua trả tiền trước	314		1.975.199.669	930.437.673
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	12	13.021.305.126	11.260.924.087
4. Phải trả công nhân viên	316		2.540.137.875	533.362.447
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	318	13	7.842.441.107	991.969.001
6. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		61.809.555	282.758.473
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	14	201.198.998.560	192.493.633.406
1. Dự phòng phí	331		115.957.082.516	115.016.595.133
2. Dự phòng bồi thường	333		59.907.374.447	59.701.530.448
3. Dự phòng dao động lớn	334		25.334.541.597	17.775.507.825
III. Nợ khác	340		3.001.946.818	1.369.505.686
1. Chi phí phải trả	341		3.001.946.818	1.369.505.686
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		323.559.518.662	332.982.981.371
I. Nguồn vốn, quỹ	410	15	323.559.518.662	332.982.981.371
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		4.074.487.685	2.953.542.089
3. Lợi nhuận chưa phân phối	418		19.485.030.977	30.029.439.282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	430		579.539.314.991	566.189.194.781

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

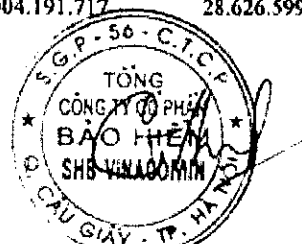
Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	25.004.191.717	28.626.599.146



Ninh Việt Hòa
Người lập biểu



Vũ Anh Hoàng
Kế toán trưởng



Bùi Gia Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

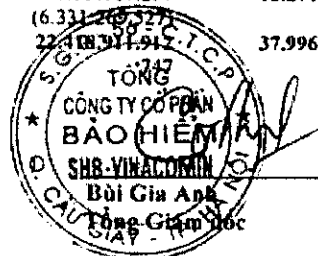
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÃ SỐ B 02A-DNBH
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Thu phí bảo hiểm gốc	01		312.822.909.455	312.303.244.626
2 Thu phí nhân tài bảo hiểm	02		32.222.056.524	14.467.458.471
3 Các khoản giảm trừ:	03		93.077.033.576	77.654.648.212
- Phí nhượng tài bảo hiểm	04		91.267.595.544	73.907.872.979
- Hoàn phí bảo hiểm	06		1.809.438.032	3.746.775.233
4 Tăng dự phòng phí	08	14	940.487.383	9.418.714.893
5 Thu hoa hồng nhượng tài bảo hiểm	09		27.596.376.418	22.944.648.657
6 Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	10		6.740.184.010	4.219.800.201
- Thu nhượng tài bảo hiểm	12		6.880.090.551	3.956.100.522
- Thu khác (đặt lý, giám định...)	13		(139.906.541)	263.699.679
7 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		285.364.005.448	266.861.788.850
8 Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		118.627.143.642	106.572.293.253
9 Chi bồi thường nhân tài bảo hiểm	16		5.529.816.341	1.204.897.949
10 Các khoản giảm trừ:	17		19.366.723.746	14.158.135.947
- Thu bồi thường nhượng tài bảo hiểm	18		19.343.913.746	11.941.204.423
- Thu đối người thứ ba	19		-	2.216.280.524
- Thu hàng xử lý bồi thường 100%	20		22.810.000	651.000
11 Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		104.790.236.237	93.619.055.255
12 Tăng dự phòng bồi thường	23	14	265.490.519	8.930.750.444
13 Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	14	7.559.033.772	7.474.935.222
14 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	25		53.348.531.781	44.349.296.803
14.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		44.165.618.297	40.613.605.407
- Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		35.265.223.833	34.586.188.473
- Chi giám định tổn thất	28		2.000.357.892	1.180.388.141
- Chi đánh giá rủi ro đối tượng bảo hiểm	31		142.429.447	312.237.652
- Chi để phòng hạn chế tổn thất	32		3.935.774.824	1.899.350.455
- Chi khác	33		2.821.832.301	2.635.440.686
14.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhân tài bảo hiểm	34		9.172.828.234	3.735.691.396
- Chi hoa hồng	35		8.099.672.144	3.599.410.537
- Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		793.215.932	30.380.853
- Chi khác	38		279.940.158	105.900.006
14.3 Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		10.085.250	-
15 Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		165.963.292.309	154.374.037.724
16 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		119.400.713.139	112.487.751.126
17 Chi phí bán hàng	43		21.810.541.050	15.462.670.360
18 Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		107.513.621.356	95.933.647.524
19 (Lỗ)/Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		(9.923.449.267)	1.091.433.242
20 Doanh thu hoạt động tài chính	46	17	65.785.697.801	68.233.164.620
21 Chi phí hoạt động tài chính	47	18	25.116.106.996	19.036.451.154
22 Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		40.669.590.805	49.196.713.466
23 Thu nhập hoạt động khác	52		148.968.364	79.844.643
24 Chi phí hoạt động khác	53		708.280.220	100.589.577
25 (Lỗ) hoạt động khác	54		(559.311.856)	(20.744.934)
26 Tổng lợi nhuận kế toán	55		30.186.829.682	50.267.401.774
27.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	19	14.099.187.297	12.271.262.819
27.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60	10	(6.331.265.527)	-
28 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		22.456.376.858	37.996.138.955
29 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	-	1.267

Ninh Việt Hòa
 Người lập biểu

Vũ Anh Hoàng
 Kế toán trưởng



Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB - VINACOMIN

Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A

Cụm sản xuất tiêu thụ công nghiệp và công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp trực tiếp)*


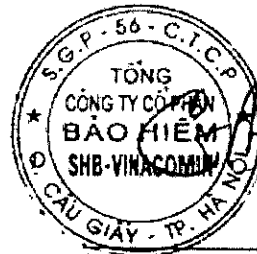
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MÀU SỐ B 03-DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	336.242.350.391	328.939.371.524
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	24.828.411.597	6.959.110.682
3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	38.085.522.065	34.151.511.200
4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(123.165.273.902)	(104.810.830.322)
5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(53.345.882.880)	(78.106.180.651)
6. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(39.636.564.063)	(34.476.704.982)
7. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(39.763.998.210)	(35.801.875.126)
8. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(32.652.629.091)	(31.611.104.194)
9. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(42.732.765.160)	(39.563.776.422)
10. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(24.370.966.849)	(14.882.573.341)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.488.203.898	30.796.948.368
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	720.391.121.465	1.675.550.926.453
2. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	59.530.908.769	46.297.216.066
3. Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong năm	24	(789.154.450.326)	(1.748.390.351.465)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(950.042.725)	(12.347.219.304)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(10.182.462.817)	(38.889.428.250)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền trả cổ tức cho các cổ đông	35	(30.021.789.200)	(16.158.678.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.021.789.200)	(16.158.678.150)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.283.951.881	(24.251.158.032)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	62.551.260.965	86.849.843.631
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(47.424.634)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	65.835.212.846	62.551.260.965


 Ninh Việt Hòa
 Người lập biểu


 Vũ Anh Hoàng
 Kế toán trưởng

 Bùi Gia Anh
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM SHB-VINACOMIN

Trụ sở chính: Tầng 7+8, Tòa nhà AC, Lô A1A, Cụm SXTTCN và CNN, Cầu Giấy, HN
Điện thoại: 04.3793-1111, Fax: 04.3793-1155
Web: <http://www.svic.vn>

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Kính thưa Đại hội đồng Cổ Đông!

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin được Đại hội cổ đông thông qua ngày 11/12/2008, được sửa đổi, bổ sung ngày 11/5/2011 và ngày 14/12/2012;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin;
- Căn cứ vào Kết quả hoạt động và Báo cáo tài chính năm 2012 do Ban Điều hành lập;
- Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán năm 2012 được cung cấp bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Căn cứ vào kết quả thẩm định Báo cáo tài chính do Ban Kiểm soát thực hiện;

Ban Kiểm soát SVIC xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban Kiểm soát năm 2012 và phương hướng công tác của BKS trong năm 2013, như sau:

Phần I

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN ĐƯỢC GIAO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2012

I. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ SVIC trong việc quản trị, điều hành hệ thống SVIC:

- Thực hiện điểm c, Khoản 2 Điều 97 và khoản 3 Điều 123 Luật doanh nghiệp số 60/2005QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc Hội, Ban kiểm soát đánh giá về quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc như sau:

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc tổ chức, thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm SHB – Vinacomin và các quy định có liên quan của pháp luật. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đều có sự phân công công việc cụ thể, chi tiết cho các thành viên.

II. Về hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát (BKS) hiện nay gồm 3 thành viên trong đó có 1 thành viên chuyên trách và 2 thành viên kiêm nhiệm.
- Trong năm 2012 BKS đã tiến hành các cuộc họp: bầu Trưởng BKS nhiệm kỳ 2008-2013 và họp định kỳ để triển khai các công việc của BKS, thực hiện việc phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên BKS trên các mặt hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra giám sát tình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng Công ty, kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012, kiểm tra công tác tổ chức quản trị điều hành của Tổng Công ty;
- Kiểm tra giám sát tính tuân thủ các quy trình, quy chế tại hầu hết các Phòng ban và các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.
- BKS đã thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh năm 2012 tại Công ty SVIC Sài Gòn và Công ty SVIC Gia Định;
- BKS đã thực hiện việc thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo tài chính năm 2012;
- Trong năm 2012, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
- Qua kết quả hoạt động kiểm tra kiểm soát, đã kịp thời phát hiện các tồn tại, sai phạm trong các hoạt động của đơn vị được kiểm tra để đề xuất kiến nghị, chấn chỉnh, khắc phục các sai phạm nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động, góp phần vào an toàn, hiệu quả hoạt động của các đơn vị, đồng thời báo cáo HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành, chỉ đạo đối với các đơn vị trong hệ thống SVIC, đề xuất, kiến nghị cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản không còn phù hợp, ban hành các văn bản mới hướng dẫn các quy định của Nhà nước và của SVIC.

III. Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất 06 đầu năm và hàng năm của SVIC:

1. Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét 06 tháng đầu năm, kết quả:

Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2012 của Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB – Vinacomin được lập đúng theo các quy định và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Pháp luật về kế toán, thể hiện đúng, hợp lý tình hình tài chính và hoạt động của SVIC.

2. Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất cả năm 2012, kết quả:

BKS xin báo cáo kết quả thẩm định BCTC hợp nhất năm 2012 của SVIC như sau:

2.1. Các căn cứ dữ liệu để kiểm tra:

5
T
ĐNG
AC
SHB
6

2.1.1. Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 do Ban Tổng Giám đốc lập ngày 29/3/2013 theo các mẫu biểu do Bộ tài chính ban hành tại quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm 2012: Mẫu số B01 – DNBH
- Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2012: Mẫu số B02 a – DNBH
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2012: Mẫu số B03 – DNBH
- Thuyết minh Báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất năm 2012: Mẫu số B09 – DNBH

2.1.2. Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012.

2.1.3. Một số tài liệu liên quan khác.

2.2. Xác nhận Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 và các chỉ tiêu hoạt động chính năm 2012 của SVIC:

2.2.1. Ban Kiểm soát xác nhận: BCTC hợp nhất năm 2012 của SVIC được lập theo đúng các quy định và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán, thể hiện đúng và hợp lý tình hình tài chính của SVIC; phù hợp với kết quả kiểm toán của Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện.

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2012:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (DẠNG RÚT GỌN)

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Ngày 31/12/2011	Ngày 31/12/2012	Tăng (giảm) 2012/2011	Tỷ lệ thực hiện 2012/2011 (%)
I	Tổng cộng tài sản	566,189,194,781	579,539,314,991	13,350,120,210	102.36
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	62,551,260,965	65,835,212,846	3,283,951,881	105.25
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	245,552,611,799	247,769,068,648	2,216,456,849	100.90
3	Các khoản phải thu	81,310,748,523	93,882,725,712	12,571,977,189	115.46
4	Hàng tồn kho	443,173,168	855,273,447	412,100,279	192.97
5	Tài sản lưu động khác	11,013,466,608	11,110,070,131	96,603,523	100.87
6	Tài sản cố định	41,720,586,886	38,212,714,513	(3,507,872,373)	91.59
7	Các khoản ĐT tài chính dài hạn	110,850,000,000	102,000,000,000	(8,850,000,000)	92.01
8	Chi phí xây dựng cơ bản	-	650,000,000	650,000,000	

9	Các khoản kỳ quỹ kỳ cược dài hạn khác	12,598,755,186	12,690,265,186	91,510,000	100.72
10	Tài sản dài hạn khác	148,591,646	6,533,984,508	6,385,392,862	
II	Tổng cộng nguồn vốn	566,189,194,781	579,539,314,991	13,350,120,210	102.36
1	Nợ ngắn hạn	39,343,074,318	51,778,850,951	12,435,776,633	131.60
2	Dự phòng nghiệp vụ	192,493,633,406	201,198,998,560	8,705,365,154	104.52
2	Nợ khác	1,369,505,686	3,001,946,818	1,632,441,132	219.19
3	Vốn chủ sở hữu	332,982,981,371	323,559,518,662	(9,423,462,709)	97.17
	<i>Trong đó</i>				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000	300,000,000,000		100.00
	Quỹ dự trữ bắt buộc	2,953,542,089	4,074,487,685	1,120,945,596	137.95
	Lợi nhuận chưa phân phối	30,029,439,282	19,485,030,977	(10,544,408,305)	64.89

KẾT QUẢ KINH DOANH

Một số chỉ tiêu chủ yếu (Báo cáo tài chính riêng - sau kiểm toán)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2011	KH 2012	TH 2012			
				Số tiền	%/KH	%/DT	%/2011
1	Thu phí bảo hiểm gốc	312,303	358,000	312,823	87%		100%
2	Thu phí nhận tái bảo hiểm	14,467	18,000	32,222	179%		223%
3	Các khoản giảm trừ	77,655	91,045	93,077	100%		
4	Tăng (giảm) dự phòng phí	9,419	18,897	941	5%		
5	Thu hồng nhượng tái BH	22,944	28,436	27,596	97%		
6	Thu khác hoạt động KD bảo hiểm	4,220	4,500	6,740	150%		
7	Doanh thu thuần hoạt động KDBH	266,861	298,994	285,364			
8	Chi bồi thường BH gốc	106,572	123,800	118,627	96%	38%	111%
9	Chi bồi thường nhận tái BH	1,205	1,706	5,529	324%	17%	
10	Các khoản giảm trừ	14,158	17,511	19,366	110%		
11	Bồi thường thuộc t/nhiệm giữ lại	93,619	107,995	104,790			
13	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	8,931	8,464	265	3%		3%
14	Số trích dự phòng dao động lớn	7,475	8,549	7,559	88%		101%
15	Chi khác hoạt động KD bảo hiểm	44,349	53,423	53,348		15%	
16	Tổng chi trực tiếp hoạt động KDBH	154,374	178,431	165,963			
17	Lợi nhuận gộp HĐ KDBH	112,487	120,563	119,400			
18	Chi phí bán hàng	15,459	17,458	21,811	125%	7%	141%
19	Chi phí quản lý DN	95,636	111,353	106,137	95%	34%	112%
	- Lương	35,742	45,120	41,405	92%	12%	116%
20	LN thuần HĐ KDBH	1,393	(8,248)	(8,548)			
21	Doanh thu hoạt động tài chính	65,903	56,427	63,268	112%		96%
22	Chi hoạt động tài chính	17,268	-2,756	25,423			
23	LN hoạt động tài chính	48,635	59,183	37,845	64%		78%
24	Thu nhập hoạt động khác	80	-	149			
25	Chi phí hoạt động khác	101	-	708			
26	Lợi nhuận hoạt động khác	-21	-	(559)			